

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt.

1. Giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 1.1 Am hiểu về gói thầu | Nêu được thông tin cơ bản về công trình | Đạt |
| | Không nêu được thông tin cơ bản về công trình | Không đạt |
| 1.2. Nguồn vật liệu chủ yếu cho gói thầu (cát, đá, xi măng, cốt thép, thép hình, cấp phối đá dăm) | <p>- Nhà thầu có Hợp đồng nguyên tắc. Có tài liệu chứng minh năng lực của đơn vị cung cấp (giấy đăng ký kinh doanh)</p> <p>- Nhà thầu có cam kết đầy đủ về đề xuất chủng loại vật tư, vật liệu (Chủng loại, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng đối với các vật tư, vật liệu) để thực hiện gói thầu theo đúng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.</p> <p>- Nhà thầu có cam kết cung cấp đầy đủ CO, CQ trước khi nghiệm thu và thi công.</p> | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc Hợp đồng nguyên tắc | Không đạt |
| 1.3. Tổ chức mặt bằng công trường: thiết bị thi công, lán trại, phòng thí nghiệm, kho bãi tập kết vật liệu, chất thải, bố trí công ra vào, rào chắn, biển báo, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công | <p>Có bản vẽ, có giải pháp bố trí hợp lý, phù hợp với biện pháp thi công đã đề xuất, tiến độ thi công công trình, đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu và phải phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với hồ sơ thiết kế, máy móc thiết bị, giải pháp thi công, tiến độ thực hiện theo đúng các nội dung yêu cầu của chương V.</p> <p>Có thuyết minh biện pháp và bản vẽ chi tiết tổng thể việc bố trí mặt bằng, đường đi phục vụ thi công, vị trí tập kết vật tư, thiết bị thi công, rào chắn, hành lan bảo vệ đảm bảo không làm ảnh hưởng đến công trình xây dựng và khu vực lân cận.</p> | |

| | | |
|---|--|------------------|
| | Không có hoặc có giải pháp kỹ thuật nhưng không theo yêu cầu hoặc không hợp lý hoặc không phù hợp với hiện trạng công trình xây dựng, phù hợp với hồ sơ thiết kế, máy móc thiết bị, giải pháp thi công, tiến độ thực hiện theo đúng các nội dung yêu cầu của chương V. | Không đạt |
| 1.4. Đề xuất giải pháp kỹ thuật thi công đầy đủ và chi tiết công việc các hạng mục theo hồ sơ thiết kế được duyệt và theo nội dung công việc mời thầu tại bảng 1A. Bao gồm: - Công tác thi công nền và mặt đường - Công tác thi công gia cố mái taluy - Công tác thi công cầu bản - Công tác thi công công bản, công tròn - Công tác thi công mương thoát nước dọc | HSDT Có thuyết minh và bản vẽ BPTC thể hiện rõ trình tự các bước thi công với đầy đủ các thành phần công việc của các hạng mục theo đúng trình tự, giai đoạn công việc, quy trình kỹ thuật, quản lý chất lượng, và an toàn trong Xây lắp theo quy định hiện hành; phù hợp với HSTK, khối lượng mời thầu, nội dung yêu cầu tại Chương V | Đạt |
| | HSDT Có thuyết minh và bản vẽ BPTC Hợp lý, phù hợp, đồng nhất với bảng tiến độ tổ chức thi công, huy động máy móc, hệ thống tổ chức quản lý của nhà thầu, nhân sự và thiết bị mà nhà thầu đã đề xuất. Thuyết minh Biện pháp thi công sơ sài, không kèm bản vẽ thi công hoặc có nội dung không phù hợp với quy trình kỹ thuật, tiến độ thi công đề xuất, không đảm bảo các nội dung yêu cầu tại Chương V | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 1.1,1.2, 1.4 được xác định là đạt; tiêu chuẩn chi tiết 1.3 được xác định là đạt hoặc chấp nhận được. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

2. Biện pháp tổ chức thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 2.1. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người. | Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật. Làm rõ sơ đồ, mô tả mối quan hệ giữa trụ sở chính và ban chỉ huy công trường. | Đạt |
| | Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của các nhân sự chủ chốt, mô tả mối quan hệ giữa trụ sở chính và ban chỉ huy công trường. | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| 2.2. Biện pháp đảm bảo giao thông trong thi công; Biện pháp đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, an toàn thi công trong mùa mưa, bão | Có biện pháp: tổ chức đảm bảo giao thông thông suốt, an toàn, hợp lý trong thi công; đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, an toàn thi công trong mùa mưa, bão. | Đạt |
| | Không đề xuất hoặc đề xuất thiếu, không khả thi. | Không đạt |
| 2.3. Giải pháp thi công để không ảnh hưởng đến các công trình lân cận trong khu vực. | Có giải pháp kỹ thuật hợp lý và phải có bản cam kết chịu trách nhiệm của mình nếu xảy ra hậu quả đối với các công trình trong khu vực nếu do biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu thi công gây ra. | Đạt |
| | Không có giải pháp kỹ thuật hợp lý hoặc không có bản cam kết chịu trách nhiệm của mình nếu xảy ra hậu quả đối với các công trình trong khu vực nếu do biện pháp tổ chức thi công của nhà thầu thi công gây ra. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định không đạt. | Không đạt |

3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 3.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công không quá 240 ngày có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày khởi công | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 240 ngày có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 240 ngày. | Không đạt |
| 3.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |
| 3.3. Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, hồ sơ thiết kế và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc hồ sơ thiết kế. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không | Không đạt |

| | | |
|--|------|--|
| | đạt. | |
|--|------|--|

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|------------------|
| 4.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc hồ sơ thiết kế. | Không đạt |
| 4.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc hồ sơ thiết kế. | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 5.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. Giải pháp thực hiện và kiểm tra an toàn lao động trên công trường thường xuyên, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, an toàn công trình, an toàn cho các công trình lân cận và cư dân xung quanh công trình. Giải pháp | Có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và hồ sơ thiết kế. Có giải pháp thực hiện và kiểm tra an toàn lao động trên công trường thường xuyên, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, an toàn công trình, an toàn cho các công trình lân cận và cư dân xung quanh công trình. Có giải pháp hạn chế tiếng ồn và vật liệu đổ thải trên công trình. | Đạt |
| | Không có thuyết minh biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc hồ sơ thiết kế. Không có giải pháp hoặc giải pháp không hợp lý, không khả thi khi thực hiện và kiểm tra an | Không đạt |

| | | |
|--|---|------------------|
| hạn chế tiếng ồn và vật liệu đổ thải trên công trình. | toàn lao động trên công trường thường xuyên, có biện pháp đảm bảo an toàn lao động cho từng công đoạn thi công, an toàn giao thông ra vào công trường, an toàn công trình, an toàn cho các công trình lân cận và cư dân xung quanh công trình. Không có giải pháp hoặc giải pháp không hợp lý, không khả thi để hạn chế tiếng ồn và vật liệu đổ thải trên công trình. | |
| 5.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc hồ sơ thiết kế. | Không đạt |
| 5.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công và hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công hoặc hồ sơ thiết kế. | Không đạt |
| 5.4. An toàn giao thông | | |
| Thuyết minh biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong và ngoài công trình, biện pháp bảo đảm cho các phương tiện tham gia giao thông khi vận chuyển vật liệu. Cam kết tuân thủ các quy định về vận chuyển vật liệu, thiết bị trong quá trình thi công không quá khổ, | Có thuyết minh đầy đủ và cam kết đúng các nội dung | Đạt |
| | Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không hợp lý, không khả thi, không có các cam kết hoặc cam kết không đầy đủ. | Không đạt |

| | | |
|---|--|------------------|
| quá tải Cam kết sẽ bồi thường, hoàn trả lại các tuyến đường giao thông trên địa bàn bị hư hỏng nếu lỗi của nhà thầu khi vận chuyển vật liệu gây ra | | |
| Kết luận | Cả 4 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Bảo hành và uy tín của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 6.1. Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành 12 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. | Không đạt |
| 6.2. Uy tín của của nhà thầu | | |
| Uy tín của nhà thầu: Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC của nhà thầu trong vòng 3 năm (kể từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm đóng thầu) trở lại đây. | Nhà thầu Có cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng không vi phạm các trường hợp sau: + Tiến độ thực hiện hợp đồng; + Chất lượng dịch vụ, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng; + Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu; | Đạt |
| | Nhà thầu không có cam kết hoặc có nhưng vi phạm một trong các điều kiện: + Tiến độ thực hiện hợp đồng; + Chất lượng dịch vụ, bao gồm các sự cố xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng; + Vi phạm hợp đồng, chấm dứt hợp đồng do lỗi của Nhà thầu; | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.